

Số: /TTr-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết quy định về chế độ hỗ trợ đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh tại Văn bản số 620/HĐND-PC ngày 18/11/2025 về việc xây dựng Nghị quyết về chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Bộ phận Một cửa, UBND tỉnh đã giao Văn phòng UBND tỉnh tham mưu, xây dựng dự thảo Nghị quyết;

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, xét đề nghị của Văn phòng UBND tỉnh tại Văn bản số 186/TTr-VPUB ngày 03/4/2026 về việc trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết quy định về chế độ hỗ trợ đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (sau khi lấy ý kiến của các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và cơ quan, đơn vị liên quan; thẩm định của Sở Tư pháp tại văn bản số 05/BC-STP ngày 07/01/2026); ý kiến của UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 14/4/2026¹ và biểu quyết thống nhất của thành viên UBND tỉnh; Mục 3 Kết luận số 66-KL/TU ngày 04/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 24 thống nhất về chủ trương trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết Quy định chế độ hỗ trợ đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp;

Ủy ban nhân dân tỉnh trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định về chế độ hỗ trợ đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, cụ thể như sau:

A. NỘI DUNG TỜ TRÌNH

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025;
- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

¹ Thông báo Kết luận số 196/TB-UBND, ngày 14/4/2026 về việc Kết luận họp tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 14 tháng 4 năm 2026.

- Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia;

- Thông tư số 33/2022/TT-BTC ngày 09/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

- Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính”;

- Văn bản số 4198/BNV-VP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp.

Ngày 09/6/2022, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 33/2022/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2019/TT-BTC, theo đó tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 33/2022/TT-BTC cho phép tiếp tục thực hiện: *“Chế độ bồi dưỡng ngoài lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động quy định tại Thông tư này được áp dụng cho đến khi thực hiện chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang do Chính phủ ban hành để triển khai Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp”*. Tuy vậy, Thông tư số 26/2019/TT-BTC và Thông tư số 33/2022/TT-BTC chỉ quy định nội dung chi, không quy định cụ thể mức chi hỗ trợ.

Mặt khác, tại điểm d khoản 4 mục III Điều 1 Đề án “Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính” kèm theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định *“Các Bộ phận Một cửa sử dụng một bản sắc thương hiệu thống nhất về yêu cầu thiết kế nội, ngoại thất; biển hiệu; trang phục; biển tên; tài liệu nghiệp vụ, truyền thông, giao diện của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh và các ứng dụng khác.”*

Căn cứ thẩm quyền của HĐND tỉnh quy định tại điểm c khoản 1 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025: *“c) Căn cứ vào chủ trương của Đảng, quyết định áp dụng thí điểm các chính sách đặc thù, đặc biệt, chưa được quy định trong pháp luật để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương sau khi đã báo cáo và được Thủ tướng Chính phủ cho phép; quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước”*;

Tại điểm c khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025 (sửa đổi tại khoản 3 Điều 1 Luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025) giao thẩm quyền cho HĐND tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: *“Chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện*

phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp”.

Ngày 02/8/2023, Bộ Nội vụ có Văn bản số 4198/BNV-VP về việc quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp, trong đó Bộ Nội vụ: *“Đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố căn cứ Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019); khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính để báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố xem xét, quyết định việc ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh, thành phố cho phù hợp với quy định của pháp luật, đồng thời để tránh phát sinh bất hợp lý khi thực hiện cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị Trung ương 7 Khóa XII, đề nghị mức chi trong các chính sách hỗ trợ quy định bằng mức tiền tuyệt đối, không gắn với mức lương cơ sở hoặc mức lương hiện hưởng của cán bộ, công chức, viên chức”.*

Ngày 09/6/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 118/2025/NĐ-CP về việc thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia, theo đó tại điểm d khoản 3 Điều 11 quy định về quyền lợi của người làm việc tại Bộ phận Một cửa: *“Nhận lương, phụ cấp, bồi dưỡng và chế độ, chính sách khác (nếu có) tại cơ quan đã cử đến Bộ phận Một cửa”*; tại điểm h khoản 1 Điều 38 quy định Chủ tịch UBND tỉnh *“Kịp thời có giải pháp động viên, khích lệ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã dựa trên kết quả đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân”.*

Để khuyến khích, động viên đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp và nâng cao ý thức, tinh thần, trách nhiệm, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC, trở thành giải pháp đột phá trong cải cách TTHC, là hạt nhân trong tiến trình chuyển đổi số của tỉnh thì việc xây dựng, ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh là rất cần thiết và phù hợp với quy định hiện hành.

2. Cơ sở thực tiễn

Từ năm 2018, chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh được thực hiện theo Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 của UBND tỉnh về việc quy định **tạm thời** chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Hành chính công cấp huyện, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Tuy vậy, Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh được xây dựng và ban hành trên cơ sở Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC (nay

đã được thay thế bởi Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 và sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ). Đây là Quyết định quy định tạm thời của UBND tỉnh, đồng thời tên gọi Bộ phận Một cửa cấp xã đã được quy định thành Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã, đối tượng áp dụng không còn phù hợp do không còn tổ chức chính quyền cấp huyện, do đó cần phải xây dựng và ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về chính sách đặc thù của địa phương để hỗ trợ cho công chức, viên chức trực tiếp tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp theo quy định.

Ngày 10/10/2025, UBND tỉnh đã giao cơ quan chuyên môn hướng dẫn thực hiện chế độ đặc thù và sửa đổi Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND để phù hợp với chính quyền địa phương 02 cấp.

Qua tham khảo các tỉnh, thành phố trong cả nước, tính đến 31/3/2026, việc ban hành chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp **đã được HĐND nhiều tỉnh, thành phố ban hành** như: Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Trị, Thành phố Huế, Hưng Yên, Bắc Ninh, Ninh Bình, Quảng Ninh, Quảng Ngãi,... (có Danh sách tổng hợp theo Phụ lục 1 kèm theo).

Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và trước yêu cầu về đẩy mạnh cải cách TTHC, thực hiện TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC cho người dân, tổ chức và nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là mục tiêu phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước; cùng với khối lượng hồ sơ TTHC ngày càng tăng cao, nhất là trong lĩnh vực tư pháp, đất đai, xây dựng, đầu tư, chính sách... đã tạo áp lực rất lớn cho người làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp, nhất là đối với chính quyền cấp xã. Mặt khác, tình hình kinh tế - xã hội ở địa phương có nhiều biến động, thể hiện ở sự biến động tăng của giá cả thị trường, chỉ số tiêu dùng... do đó, đặt ra vấn đề cần xây dựng chính sách hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp trên cơ sở các căn cứ pháp lý hiện hành, đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích ban hành văn bản

- Xây dựng cơ sở pháp lý đầy đủ, đồng bộ, đảm bảo thống nhất, phù hợp với quy định pháp luật về chế độ, chính sách.

- Đảm bảo tính công khai, minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện, tạo thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện.

- Kịp thời động viên, khuyến khích cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp yên tâm công tác, gắn trách nhiệm phục vụ với quyền lợi, góp phần đưa Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp hoạt động ngày càng hiệu quả, tiếp tục nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trong thời gian tới.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản

- Thực hiện đúng quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025; Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; các Nghị định của Chính phủ: số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 187/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về việc thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia; Thông tư số 26/2019/TT-BTC, ngày 10/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước và Thông tư số 33/2022/TT-BTC, ngày 09/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2019/TT-BTC.

- Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, trình tự thủ tục theo quy định; xây dựng nghị quyết trên cơ sở điều kiện thực tế của địa phương và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh; xây dựng chính sách lâu dài, phù hợp với thời kỳ tài chính giai đoạn 2026-2031; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của nhà nước về chế độ, chính sách đối với Bộ phận Một cửa.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Đảm bảo theo quy định hiện hành của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và văn bản hướng dẫn thi hành, cụ thể:

- Cơ quan soạn thảo (Văn phòng UBND tỉnh) đã lập hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan; trình UBND tỉnh xem xét trình Thường trực HĐND tỉnh cho ý kiến về xây dựng Nghị quyết.

- Sau khi có ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh tại Văn bản số 620/HĐND-PC ngày 18/11/2025, cơ quan soạn thảo đã xây dựng dự thảo Nghị quyết, gửi lấy ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các xã, phường; đăng tải hồ sơ dự thảo Nghị quyết lên Cổng Thông tin điện tử tỉnh lấy ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng tác động của văn bản (tại Văn bản số 797/VPUB-HCC ngày 27/11/2025);

- Việc xây dựng mức hỗ trợ đã thực hiện tham khảo mức hỗ trợ của 34 tỉnh, thành phố trên cả nước. Theo kết quả tham khảo: có 25/34 tỉnh, thành phố đã thực hiện (có 11 đơn vị đã điều chỉnh chế độ hỗ trợ theo chính quyền địa phương 02 cấp); 09/34 đơn vị đang xây dựng dự thảo.

- Trên cơ sở các ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, địa phương, Văn phòng UBND tỉnh đã tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết; gửi Sở Tư pháp thẩm định (tại văn bản số 855/VPUB-HCC₁ ngày 12/12/2025) và tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết theo Báo cáo thẩm định số 05/BC-STP ngày 07/01/2026 của Sở Tư pháp (có báo cáo giải trình tiếp thu ý

kiến thẩm định kèm theo).

Trên cơ sở báo cáo, đề nghị của Văn phòng UBND tỉnh tại Tờ trình 186/TTr-VPUB, ngày 03/4/2026; sau khi Thành viên UBND tỉnh thống nhất biểu quyết theo kết luận họp tập thể lãnh đạo UBND tỉnh ngày 14/4/2026²), UBND tỉnh đã tổng hợp báo cáo, đề nghị Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh xem xét báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy³. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có ý kiến thống nhất về chủ trương trình HĐND tỉnh thông qua⁴ Nghị quyết quy định về chế độ hỗ trợ đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh: Quy định về chế độ hỗ trợ đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

- Đối tượng áp dụng:

+ Cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

+ Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện quy định về chế độ hỗ trợ đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp.

2. Bố cục của dự thảo văn bản

Dự thảo Nghị quyết quy định về chế độ hỗ trợ đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh gồm 4 Điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2. Điều kiện và chính sách hỗ trợ

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Điều 4. Tổ chức thực hiện.

3. Nội dung cơ bản

Quy định cụ thể chế độ hỗ trợ đặc thù hàng tháng và trang cấp đồng phục đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh bằng nguồn vốn ngân sách địa phương. Cụ thể:

+ Mức hỗ trợ hàng tháng: Ngoài các khoản được nhận như lương, làm thêm giờ và chế độ, chính sách khác (nếu có) theo quy định; cán bộ, công chức, viên chức (không bao gồm nhân viên, người lao động theo chế độ hợp đồng) làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp được hưởng chính sách hỗ trợ bằng tiền cụ thể và mức hỗ trợ đối với từng cấp theo số lượng nhân sự tại từng vị trí theo từng tháng.

² Thông báo Kết luận số 196/TB-UBND, ngày 14/4/2026 của UBND tỉnh.

³ Tờ trình số 202-TTr/ĐU ngày 23/4/2026 của Đảng ủy UBND tỉnh.

⁴ Kết luận số 66-KL/TU ngày 04/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại hội nghị lần thứ 24.

+ Hỗ trợ kinh phí may đồng phục, mức chi bằng tiền cụ thể theo số lượng nhân sự theo năm.

- Mức hỗ trợ cán bộ công chức, viên chức trên đây không được tính để đóng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Việc xây dựng mức hỗ trợ đã thực hiện tham khảo mức hỗ trợ của 34 tỉnh, thành phố trên cả nước. Theo kết quả tham khảo (đến 31/3/2026): có 25/34 tỉnh thành phố đã thực hiện (có 11 đơn vị đã điều chỉnh chế độ hỗ trợ theo chính quyền địa phương 2 cấp); 09/34 đơn vị đang xây dựng dự thảo. Mức trung bình cộng cả nước: Cấp tỉnh 1.565.000 đồng/người/tháng; cấp xã: 1.112.000 đồng/người/tháng. Đồng phục là 3.200.000 đồng/người/năm. Địa phương cao nhất: Thành phố Hà Nội: 5.000.000 đồng/người/tháng; thấp nhất: Đắk Lắk: 300.000 đồng/người/tháng (chưa điều chỉnh). So với các tỉnh Trung bộ: Thanh Hóa: 2.800.000 đồng/người/tháng; Thành phố Đà Nẵng: 600.000 đồng/người/tháng. Riêng Thành phố Huế mức là 1.000.000 đồng - 800.000đ/người/tháng.

- Kết quả xin ý kiến góp ý dự thảo: Về mức hỗ trợ: có 45 đơn vị đề nghị mức hỗ trợ cấp xã là 2.000.000 đồng/người/tháng; 02 đơn vị đề xuất mức hỗ trợ cấp xã là 2.500.000 đồng/người/tháng; 01 đơn vị đề nghị mức 3.500.000 đồng/người/tháng (dự thảo đề xuất mức 1.500.000 đồng/người/tháng).

Ý kiến Sở Tài chính góp ý: mức hỗ trợ cấp tỉnh giữ nguyên như Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND (2.000.000 đồng/người/tháng) và nâng mức cấp xã lên 1.000.000 đồng/người/tháng (áp dụng mức của cấp huyện tại Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND). Mức hỗ trợ đồng phục là 2.000.000 đồng/người/năm. Lý do: Để thực hiện theo nội dung về ổn định ngân sách giai đoạn 2022-2025 kéo dài sang năm 2026.

- Trên cơ sở tham khảo mức hỗ trợ của các tỉnh, thành phố đã thực hiện, Văn phòng UBND tỉnh tiếp thu ý kiến góp ý của Sở Tài chính về mức hỗ trợ hàng tháng. Riêng đối với mức hỗ trợ đồng phục thì đề nghị xem xét điều chỉnh tăng lên 3.000.000 đồng/người/năm. Lý do: mức hỗ trợ đồng phục được xây dựng từ năm 2018 là 2.000.000 đồng/người/năm, đến nay giá cả các mặt hàng đã tăng nhiều, mức lương cơ sở cũng đã tăng từ 1.390.000 đồng lên 2.340.000 đồng.

Đổi chiếu với quy định cũ (Quyết định 37/2018/QĐ-UBND) và dự thảo mới thì các nội dung thay đổi gồm: Thể thức văn bản từ Quyết định QPPL tạm thời của UBND tỉnh thành Nghị quyết của HĐND tỉnh. Về nội dung: (i) bỏ đối tượng áp dụng đối với cấp huyện do thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp; (ii) nâng mức hỗ trợ của cấp xã mới theo mức của cấp huyện trước đây (từ 500.000 đồng/người/tháng lên 1.000.000 đồng/người/tháng); (iii) nâng mức hỗ trợ đồng phục hàng năm từ 2.000.000 đồng/người/năm lên 3.000.000 đồng/người.năm.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ): Không.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH

Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách nhà nước cấp.

Kinh phí hỗ trợ cán bộ, công chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp trên địa bàn tỉnh từ nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp.

Về khái toán dự kiến mức hỗ trợ bằng tiền: Tổng kinh phí hỗ trợ hàng năm là **6.885.000.000 đồng** (Sáu tỷ tám trăm tám mươi lăm triệu đồng).

Dự kiến mức hỗ trợ được xây dựng trên cơ sở tham khảo các mức hỗ trợ của các địa phương trên cả nước, sự chênh lệch giá cả từ 2018-2026. Mức khái toán giảm **5.245.000.000 đồng** (Năm tỷ hai trăm bốn mươi lăm triệu đồng) so với tổng chi phí hỗ trợ hàng năm đang thực hiện theo Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND.

B. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh: “c) Căn cứ vào chủ trương của Đảng, quyết định áp dụng thí điểm các chính sách đặc thù, đặc biệt, chưa được quy định trong pháp luật để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương sau khi đã báo cáo và được Thủ tướng Chính phủ cho phép; quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước”, Kết luận số 66-KL/TU ngày 04/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 24, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét thông qua Nghị quyết quy định về chế độ hỗ trợ đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh để tổ chức thực hiện.

(Hồ sơ gửi kèm theo: dự thảo Nghị quyết, Bản thuyết minh dự thảo; Báo cáo đánh giá tác động; Báo cáo tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; Báo cáo tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Tư pháp, Nội vụ;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT; HCC₁.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Bá Hộ

PHỤ LỤC I**Mức chi hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại
Bộ phận Một cửa các cấp trên cả nước (tính đến 31/3/2026)**

TT	Đơn vị	Cấp tỉnh đồng/người/tháng	Cấp xã đồng/người/tháng	Chi hỗ trợ may đồng phục	Ghi chú	Điều chỉnh theo CQ2C
1	Tuyên Quang				Đang dự thảo mới (dự kiến cấp tỉnh 1.800.000; cấp xã 600.000đ)	
2	Cao Bằng	1.600.000	Chưa		Cấp tỉnh 80.000đ/ngày, không quá 20 ngày/tháng	
3	Lai Châu	1.000.000	700.000	3.000.000	Nghị quyết 69/2025/NQ-HĐND ngày 26/9/2025 của HĐND tỉnh Lai Châu	Đã điều chỉnh
4	Lào Cai	2.000.000	400.000			
5	Thái Nguyên				Chưa thực hiện	
6	Điện Biên				Đang đề nghị cấp tỉnh 1.500.000, cấp xã 1.000.000đ	
7	Lạng Sơn				Chưa thực hiện	
8	Sơn La	700.000	500.000	- Quần áo xuân, hè: 1.200.000 - Quần áo thu, đông: 2.500.000	Nghị quyết 135/2025/NQ-HĐND ngày 20/9/2025 của HĐND tỉnh Sơn La	Đã điều chỉnh
9	Phú Thọ				Chưa thực hiện	
10	Bắc Ninh	2.000.000	1.000.000	Áp dụng theo quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-TTCP ngày 29/12/2016 của Tổng Thanh tra Chính phủ	Nghị quyết số 94/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Bắc Ninh	Đã điều chỉnh
11	Quảng Ninh	2.000.000	400.000	Quần áo xuân hè: 800.000 đồng/bộ; quần áo thu đông: 2.000.000 đồng/bộ	Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 27/7/2016 của HĐND tỉnh Quảng Ninh	
12	TP. Hà Nội	5.000.000	5.000.000	5.000.000	Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 29/4/2025 của HĐND Thành phố Hà Nội	
13	TP. Hải Phòng	1.500.000		1.500.000		

TT	Đơn vị	Cấp tỉnh đồng/người/tháng	Cấp xã đồng/người/tháng	Chi hỗ trợ may đồng phục	Ghi chú	Điều chỉnh theo CQ2C
14	Hưng Yên	1.700.000	1.700.000	3.000.000	Nghị quyết 770/2025/NQ-HĐND ngày 12/11/2025 của HĐND tỉnh Hưng Yên	Đã điều chỉnh
15	Ninh Bình	2.000.000	600.000	- Quần áo thu đông: 3.000.000 đồng/bộ/năm, năm đầu được cấp 02 bộ. - Quần áo xuân hè: 1.500.000 đồng/bộ/năm, năm đầu được cấp 02 bộ.	Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 18/9/2025 HĐND tỉnh Ninh Bình	Đã điều chỉnh
16	Thanh Hóa	2.808.000	2.808.000	Trang phục xuân hè: 1 bộ/1 năm (cấp lần đầu 2 bộ), trang phục thu đông: 1 bộ/2 năm (cấp lần đầu 2 bộ). Mức chi áp dụng tiêu chuẩn trang phục đối với thanh tra viên	1,2 mức lương cơ sở. Nghị quyết 47/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của HĐND tỉnh Thanh Hóa	
17	Nghệ An	2.000.000	1.200.000	3.000.000	Nghị quyết số 44/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An	Đã điều chỉnh
18	Hà Tĩnh	2.000.000	500.000	2.000.000	Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 của UBND tỉnh	Chưa
19	Quảng Trị	400.000	400.000		Hiện tạm dừng	Chưa điều chỉnh
20	TP. Huế	1.000.000	800.000	2.000.000	Nghị quyết số 44/2025/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của HĐND Thành phố Huế	Đã điều chỉnh
21	TP. Đà Nẵng	600,000	600.000	02 bộ quần áo/năm		Chưa điều chỉnh
22	Quảng Ngãi	1.600.000	800.000		Nghị quyết 36/NQ-HĐND ngày 12/11/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi	Đã điều chỉnh

TT	Đơn vị	Cấp tỉnh đồng/người/tháng	Cấp xã đồng/người/tháng	Chi hỗ trợ may đồng phục	Ghi chú	Điều chỉnh theo CQ2C
23	Gia Lai	Không	15.000đ/ngày			Chưa điều chỉnh
24	Đắk Lắk	300.000	200.000			Chưa điều chỉnh
25	Khánh Hòa	1.800.000	1.200.000	4.000.000	Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Khánh Hòa	Đang áp dụng, chưa điều chỉnh
26	Lâm Đồng	Chưa			Hiện chưa hỗ trợ	Hiện đang Dự thảo
27	Đồng Nai	1.760.000	1.760.000	4.000.000	Nghị quyết 52/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai	Đã điều chỉnh
28	Tây Ninh	400.000	400.000		Hủy bỏ năm 2023	Hiện đang Dự thảo
29	TP. Hồ Chí Minh	2.000.000	2.000.000	5.000.000	Nghị quyết số 502/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND Thành phố Hồ Chí Minh	Đã điều chỉnh
30	Đồng Tháp	Hiện không	Không		Đang dự thảo mới	
31	An Giang	1.000.000	500.000			Chưa điều chỉnh
32	Vĩnh Long	Hiện không	Không		Đang dự thảo mới	
33	TP. Cần Thơ	Hiện không	Không		Đang dự thảo mới	
34	Cà Mau	1.000.000	1.000.000	02 bộ quần áo/ năm		Đã điều chỉnh
Trung bình cộng		1.565.358	1.112.182	3.250.000		

PHỤ LỤC II
Dự kiến kinh phí hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức
làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp
trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Đơn vị tính: Triệu đồng

1. Mức chi và tổng kinh phí thực hiện hàng năm theo QĐ số 37/2018/QĐ-UBND

TT	Đơn vị	Số người được hỗ trợ	Tiền hỗ trợ		Tiền hỗ trợ may trang phục		Tổng kinh phí
			Mức chi/vị trí/tháng	Mức chi/năm	Mức chi/người/năm	Kinh phí/năm	
1	Tại Trung tâm PVHCC tỉnh	30	2	720	2	60	780
2	Cấp huyện (05 người/13 đơn vị)	65	1	780	2	130	910
3	Cấp xã (05 người x 261 đơn vị)	1305	0,5	7.830	2	2.610	10.440 (40 triệu đồng/xã/năm)
Tổng							12.130

(Mười hai tỷ, một trăm ba mươi triệu đồng)

2. Dự kiến chính sách hỗ trợ hàng năm theo dự thảo Nghị quyết

TT	Đơn vị	Số người được hỗ trợ	Tiền hỗ trợ		Tiền hỗ trợ may trang phục		Tổng kinh phí
			Mức chi/vị trí/tháng	Mức chi/năm	Mức chi/năm	Kinh phí/năm	
1	Công chức, viên chức, làm việc tại Trung tâm PVHCC tỉnh	25	2	600	3	75	675
2	Công chức, viên chức, làm việc tại Trung tâm PVHCC cấp xã (trung bình mỗi đơn vị 06 người x 69 đơn vị)	414	1	4.968	3	1.242	6.210 (90 triệu đồng/xã/năm)
Tổng		439		5.568		1.317	6.885

(Sáu tỷ tám trăm tám mươi lăm triệu đồng)./.